

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Công Chiến

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Vi Thị C, sinh năm: 1968;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 91A2, khu phố H, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

Tạm trú: Số 238A, đường N, phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Quang S, sinh năm: 1956;

Nơi cư trú: Số 91A2, khu phố H, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Vi Thị C trình bày:

Bà và ông Nguyễn Quang S kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân Phường M, thị xã BT, (nay là phường A, thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 29/10/1990, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thì cuộc sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, từ đó tính tình không còn phù hợp nhau, bà và ông S đã ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông S nên yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: bà và ông S có 03 con chung tên Nguyễn Trường G, sinh ngày: 14/9/1991, Nguyễn Vi Tuyết Linh S, sinh ngày: 05/5/1996 và Nguyễn Vi Hoàng Quốc V, sinh ngày: 30/9/2000. Tất cả đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà và ông S không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà và ông S không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai triệu tập hợp lệ ông S đến để tiến hành hòa giải nhưng ông S vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên C các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng:

Bà Vi Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quang S hiện đang cư trú tại thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Quang S là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông S vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Quang S theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Vi Thị C và ông Nguyễn Quang S kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, thị xã BT, (nay là phường A, thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 29/10/1990, hôn nhân do tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà C cho rằng bà và ông S bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi

nhau, từ đó tính tình không còn phù hợp nhau, bà và ông S đã ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập ông S để tham gia phiên hòa giải nhưng ông S cố tình vắng mặt và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà C thể hiện ông không muốn hàn gắn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà C và ông S là có thật, đã ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[2.2] Về con chung: bà Vi Thị C và ông Nguyễn Quang S có 03 con chung tên Nguyễn Trường G, sinh ngày: 14/9/1991, Nguyễn Vi Tuyết Linh S, sinh ngày: 05/5/1996 và Nguyễn Vi Hoàng Quốc V, sinh ngày: 30/9/2000. Tất cả đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Vi Thị C phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vi Thị C, cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vi Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Quang S.
2. Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Trường G, sinh ngày: 14/9/1991, Nguyễn Vi Tuyết Linh S, sinh ngày: 05/5/1996 và Nguyễn Vi Hoàng Quốc V, sinh ngày: 30/9/2000, tất cả đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Bà Vi Thị C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Vi Thị C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Vi Thị C phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008931 ngày 16 tháng 3 năm 2020 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bà Vi Thị C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Quang S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Lê Hoàng Út